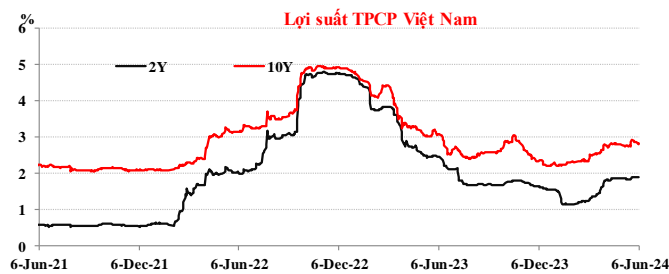

Lãi suất LNH
Trái phiếu

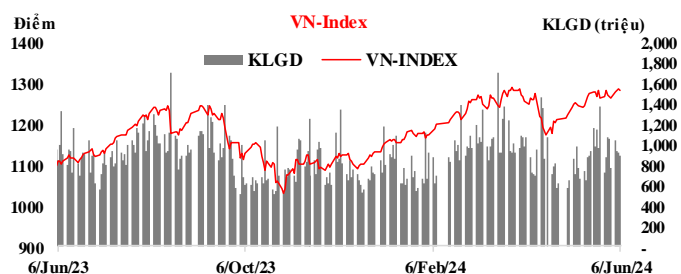
Kỳ hạn	VND		USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	D/D	D/D	D/D	D/D		Lợi suất	D/D
ON	4.08	0.08	5.27	-0.01	3Y	1.90	-0.004
1W	4.34	0.06	5.32	-0.01	5Y	2.01	0.002
2W	4.56	0.03	5.38	-0.01	7Y	2.30	0.002
1M	4.77	0.00	5.41	-0.01	10Y	2.82	0.004
2M	5.11	0.00	5.50	-0.01	15Y	3.01	0.005
3M	5.19	-0.02	5.58	0.00			
6M	5.42	0.00	5.63	0.00			
9M	5.43	-0.01	5.70	0.00			
1Y	5.43	-0.01	5.72	-0.02			


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNNHN 06/06/2024

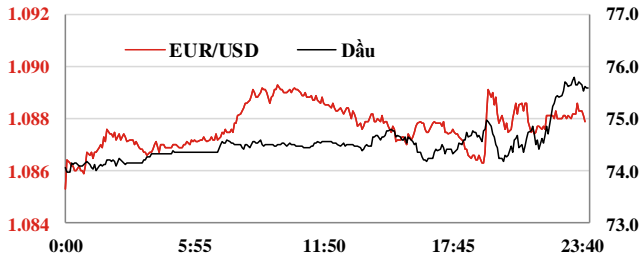
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	3,000.00	-	43,063.69	- 43,063.69	39,176.23
Sell Outright	-	5,800.00	5,500.00	- 300.00	66,160.00
Tổng				- 43,363.69	

Chứng khoán ngày 06/06/2024

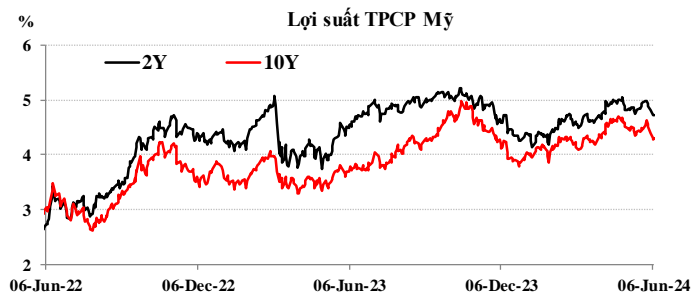
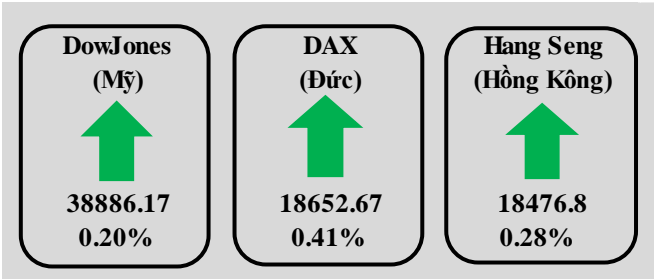
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1283.56	244.18	98.32
%/ngày	-0.06%	-0.13%	0.88%
%/29/12/2023	13.6%	5.7%	13.0%
KLGD (tr.đ.vị)	893.07	63.35	62.4
GTGD (tỷ đ)	22244.07	1330.89	1280.94
NĐINN mua (tỷ đ)	1645498	49.06	50.84
NĐINN bán (tỷ đ)	2419107	50.02	123.35


Tin trong nước ngày 06/06

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 06/06, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.241 VND/USD, không thay đổi so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.425 VND/USD, tăng nhẹ tiếp 03 đồng so với phiên 05/06. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 30 đồng ở chiều mua vào trong khi giảm 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.590 VND/USD và 25.680 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 06/06, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,03 - 0,08 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó; cụ thể: ON 4,08%; 1W 4,34%; 2W 4,56% và 1M 4,77%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 5,27%; 1W 5,32%; 2W 5,38%, 1M 5,41%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm nhẹ ở kỳ hạn 3Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,90%; 5Y 2,01%; 7Y 2,30%; 10Y 2,82%; 15Y 3,01%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,5%. Không có khối lượng trúng thầu, có 43.063,69 tỷ đồng đảo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 5.800 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 4,25%, có 5.500 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 43.363,69 tỷ đồng từ thị trường, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 66.160 tỷ đồng, khối lượng trên kênh cầm cố giảm xuống mức 39.176,23 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán hôm qua tiếp tục trạng thái giằng co. Kết phiên, VN-Index giảm nhẹ 0,79 điểm (-0,06%) xuống mức 1.283,56 điểm; HNX-Index mất 0,31 điểm (-0,13%) còn 244,18 điểm; UPCoM-Index tăng 0,86 điểm (+0,88%) đạt 98,32 điểm. Thanh khoản thị trường giảm so với phiên trước đó với giá trị giao dịch gần 24.900 tỷ đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 774 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Liên Bộ Công thương – Tài chính điều chỉnh giảm đồng loạt giá xăng dầu tại kỳ điều hành ngày 06/06.** Theo đó, giá xăng E5RON92 không cao hơn 21.141 đồng/lít, giảm 618 đồng/lít so với giá cơ sở hiện hành, thấp hơn xăng RON95-III 836 đồng/lít; xăng RON95-III không cao hơn 21.977 đồng/lít, giảm 542 đồng/lít; dầu diesel 0.05S không cao hơn 19.422 đồng/lít, giảm 325 đồng/lít; dầu hỏa: 19.557 đồng/lít, giảm 374 đồng/lít; dầu madút 180CST 3.5S 17.285 đồng/kg, giảm 253 đồng/kg.



	6 Jun 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	104.10	-0.16%	-0.59%	2.73%
USD/CNY	7.24	-0.04%	0.18%	2.07%
USD/EUR	0.92	-0.18%	-0.51%	1.36%
USD/JPY	155.60	-0.32%	-0.77%	10.31%
USD/KRW	1363.71	-0.35%	-0.80%	5.35%
USD/SGD	1.35	-0.21%	-0.32%	2.02%
USD/TWD	32.25	-0.11%	-0.39%	5.12%
USD/THB	36.42	-0.41%	-0.76%	6.03%
USD/VND Trung tâm	24241	0.00%	-0.07%	1.57%
USD/VND LNH	25425	0.01%	-0.12%	4.85%
USD/VND tự do	25593	-0.07%	-0.79%	3.44%
Vàng	2375.61	0.88%	1.39%	15.18%
Dầu WTI	75.55	2.00%	-3.03%	5.44%



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	12/6/2024
Châu Âu	EUR	4,5%	4,25%	6/6/2024	18/7/2024
Anh	GBP	5,00%	5,25%	3/8/2023	20/6/2024
Nhật	JPY	-0,10%	0,10%	19/3/2024	26/4/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	18/6/2024

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

▪ **Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tại Mỹ tăng nhẹ trong tuần trước.** Bộ Lao động Mỹ công bố số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại nước này ở mức 229 nghìn đơn trong tuần kết thúc ngày 01/06, tăng lên từ mức 219 nghìn đơn của tuần trước đó, đồng thời cao hơn dự báo ở mức 220 nghìn. Số đơn trung bình 4 tuần gần nhất ở mức 222,25 nghìn đơn, giảm nhẹ 750 đơn so với trung bình 4 tuần liền trước. Hôm nay, thị trường tiếp tục chờ đợi nhiều thông tin quan trọng khác từ thị trường lao động Mỹ, bao gồm số lượng việc làm phi nông nghiệp mới, tỷ lệ thất nghiệp và mức tăng trưởng tiền lương trong tháng 5.

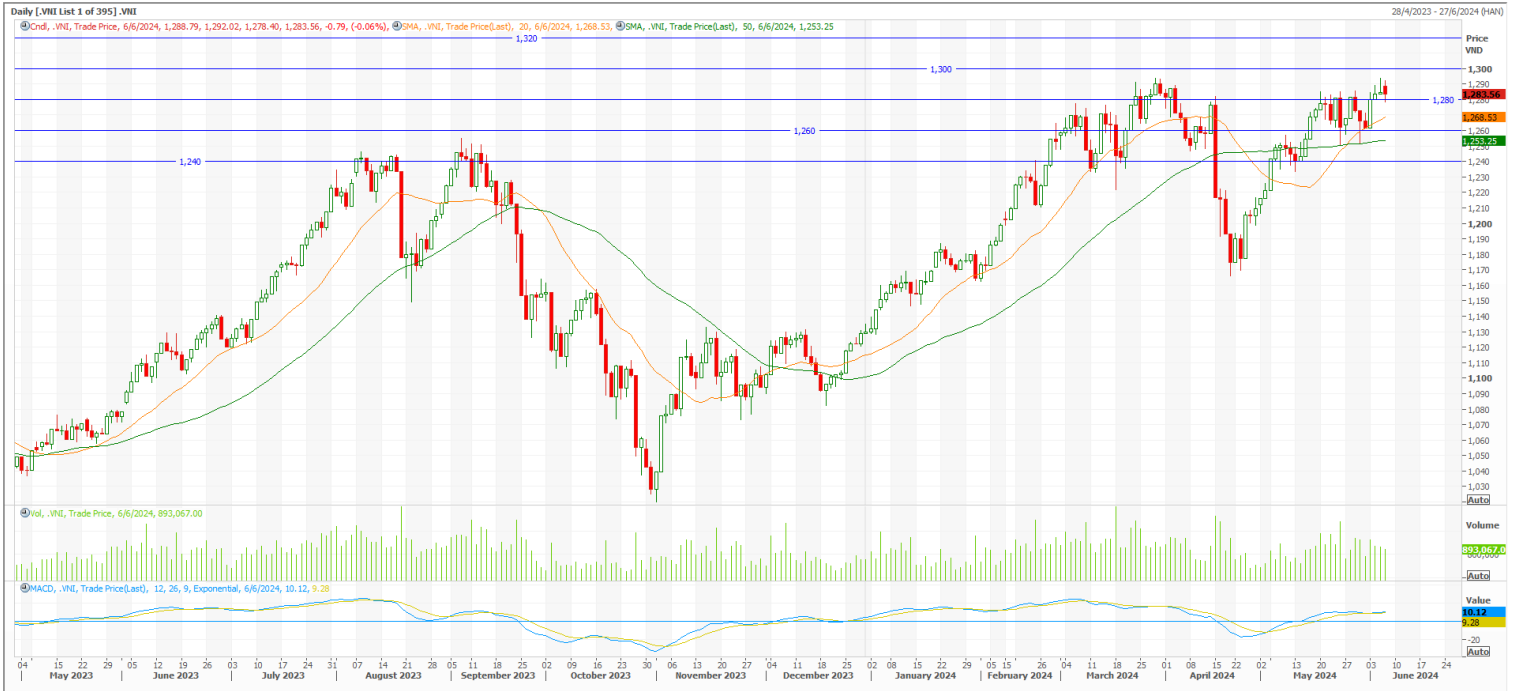
▪ **NHTW Châu Âu lần đầu tiên hạ LSCS trở lại.** Trong cuộc họp ngày 06/06, ECB nhận định kể từ tháng 09/2023, lạm phát đã giảm hơn 2,5 đpt và lạm phát cơ bản cũng hạ nhiệt rõ rệt, cho thấy CSTT thắt chặt đã góp phần cân bằng cung cầu trong nền kinh tế. Mặc dù vậy, áp lực giá một số mặt hàng trong những tháng gần đây vẫn tương đối cao do tăng trưởng tiền lương, có thể khiến lạm phát tiếp tục cao hơn mức mục tiêu trong năm tới. Lạm phát toàn phần trung bình có thể ở mức 2,5% năm 2024, 2,2% năm 2025 và 1,9% vào năm 2026. Bên cạnh đó lạm phát lõi cũng được dự báo lần lượt hạ nhiệt về 2,8%; 2,2% và 2,0% ở các năm tương ứng. Tăng trưởng kinh tế khu vực Eurozone được kỳ vọng ở mức 0,9% trong năm nay, 1,4% năm 2025 và 1,6% năm 2026. ECB cho thấy quyết tâm đưa lạm phát trở lại mức mục tiêu 2% một cách kịp thời, theo đó sẽ giữ LSCS đủ hạn chế trong một thời gian cần thiết để đạt được mục tiêu này. Dựa trên những dữ liệu hiện tại, ECB quyết định giảm 25 đcb đối với bộ 3 LSCS. Theo đó, LS tái cấp vốn, LS cho vay cận biên và LS tiền gửi tại ECB lần lượt giảm xuống còn 4,25%; 4,5% và 3,75%, có hiệu lực từ ngày 12/06/2024. Bên cạnh đó, ECB thông báo sẽ giảm lượng chứng khoán nắm giữ theo chương trình mua tài sản khẩn cấp trong đại dịch PEPP, quy mô cắt giảm là 7,5 tỷ EUR mỗi tháng trong nửa cuối năm 2024.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
06-06	19:15	***	LSCS NHTW Châu Âu ECB	4,25	4,25	4,50
06-06	19:30	***	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ we	229K	220K	219K
07-06	19:30	***	Thu nhập bình quân theo giờ tại Mỹ mm T5		0,3	0,2
07-06	19:30	***	Số thay đổi việc làm lĩnh vực phi nông nghiệp Mỹ T5		186K	175K
07-06	19:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp Mỹ T5		3,9	3,9

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index giảm nhẹ, đóng cửa tại 1.283,56 điểm. Chỉ số liên tục giằng co quanh đỉnh cũ tháng 3/2024 (tương đương vùng 1.285-1.295 điểm) trong các phiên gần đây. Nhiều khả năng VN-Index sẽ còn tiếp tục xuất hiện các nhịp rung lắc khi test lại vùng này.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn